

Bản tin chứng khoán

Trong số này

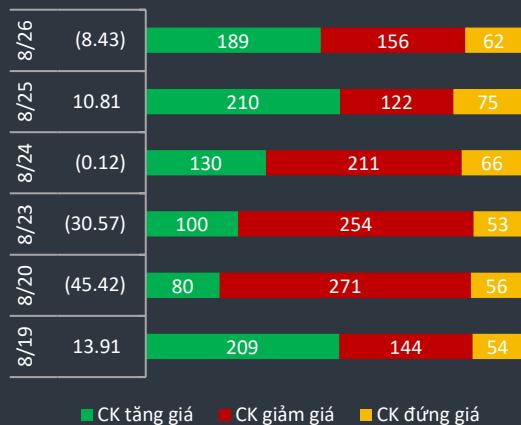
Nhận định **P.1**

Danh mục CP **P.2**

Tin Doanh nghiệp **P.3**

Bộ lọc CP **P.4**

Độ rộng thị trường



Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)

MBB		82.57
VNM		43.18
E1VFN30		22.15
DHC		18.82
SAB		15.98
STB		14.36
KBC		13.69
GIL		11.73
GAS	(23.32)	
VPB	(23.39)	
HCM	(26.17)	
MSN	(29.88)	
GMD	(47.36)	
HPG	(47.64)	
CTG	(84.92)	
VHM	(205.87)	

Thị trường duy trì mức xanh nhẹ vào phiên sáng trên nền hơn 200 mã tăng, gấp đôi so với số mã giảm. Nhìn bằng điện có vẻ lạc quan khi độ phủ xanh khá dày nhưng lại thiếu bền vững do có rất nhiều cổ phiếu lớn giá chỉ ngấp nghé quanh tham chiếu. Thanh khoản tiếp tục rất thấp trong ngày và đến cuối ngày chỉ đạt khoảng 16,700 tỷ trên sàn HOSE. Càng về cuối phiên thị trường càng đuối dần do nhiều cổ phiếu trụ giảm hàng loạt. Khi chỉ số suy yếu làm kéo theo áp lực xả hàng ở các nhóm mid cap dẫn đến Vnindex rơi nhanh và đóng cửa giảm hơn 8 điểm. Chỉ có 6 cổ phiếu VN30 tăng điểm chưa đến 1% là VNM, MWG, SAB, VRE, GVR và POW.

Nhóm ngân hàng điều chỉnh mạnh ở nhiều bank lớn như CTG, TPB, BID LPB giảm trên 2%. OCB giảm 1.7% về 22.7. Chỉ có khoảng 6 ngân hàng giữ xanh nhẹ cuối phiên SHB, VBB, SGB, ABB. Giao dịch ở nhóm ngân hàng giảm mạnh trong những phiên gần đây cũng là một phần nguyên nhân ảnh hưởng đến thanh khoản chung của thị trường. Cùng với nhóm ngân hàng thì nhóm chứng khoán cũng khá bị quan với hơn ¾ cổ phiếu chứng khoán giảm điểm. Điều này cũng đơn giản khi thị trường giảm giao dịch thì nhóm ngành chứng khoán luôn bị ảnh hưởng đầu tiên. Các cổ phiếu lớn như HCM, SSI, VCI, đều mất từ 1.5% đến 3% trong ngày.

Ngược lại vẫn có những nhóm ngành tăng trưởng rất tốt mà nổi bật là nhóm phân đạm bất ngờ nổi sóng trở lại. DPM, DCM có thời điểm tăng trần trong ngày và chốt phiên cũng tăng trên 5%. Nhóm logistics cũng tạo sóng lớn với hàng loạt cổ phiếu tăng trên 6% như PHP, DXP, VTO, SGP, HAH, HMH ...

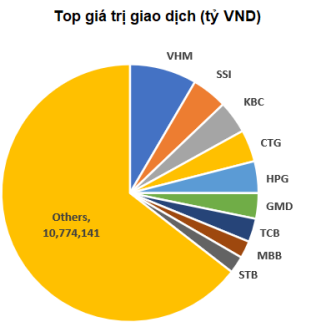
Khối ngoại mua vào 1351 tỷ và bán ra 1755 tỷ đồng – bán ròng hơn 400 tỷ đồng. HPG, GMD, HCM, PNJ, HSG, DIG, BID, KDH, VCI là những cổ phiếu bán ròng nhiều nhất trong ngày. Một số mã được mua ròng tương đối đến từ nhóm ngân hàng như MBB, STB, VRE, SSI, VNM, HDB.

Vnindex 1,301.12

▼ -8.43 (-0.64%)

Biến động Big Cap

CP	Giá	+/-	%
REE	62.1	4,000	6.88
DHG	94.9	1,400	1.50
POW	11.4	100	0.89
GVR	35.5	300	0.85
VRE	26.5	150	0.57
MWG	162.0	500	0.31
SAB	147.6	400	0.27
HVN	21.2	50	0.24
VNM	87.0	100	0.12
BVH	52.6	(100)	(0.19)
BCM	44.4	(100)	(0.22)
VHM	106.6	(400)	(0.37)
FPT	91.4	(500)	(0.54)
VCB	96.8	(700)	(0.72)
MSN	134.0	(1,000)	(0.74)
HDB	26.9	(200)	(0.74)
STB	27.1	(250)	(0.91)
VJC	125.8	(1,200)	(0.94)
VPB	60.8	(600)	(0.98)
GAS	86.3	(1,000)	(1.15)
HPG	47.7	(700)	(1.45)
SSI	61.1	(900)	(1.45)
ACB	32.0	(500)	(1.54)
VIC	93.1	(1,500)	(1.59)
NVL	103.7	(1,800)	(1.71)
PLX	48.7	(850)	(1.72)
TCB	48.3	(850)	(1.73)
MBB	28.1	(500)	(1.75)
VIB	36.3	(700)	(1.89)
BID	38.6	(850)	(2.15)
TPB	34.1	(800)	(2.29)
CTG	31.2	(950)	(2.95)
PNJ	86.2	(2,800)	(3.15)
PDR	83.5	(3,300)	(3.80)



Chỉ số Vnindex đã gần như trả lại những gì kiếm được hôm qua và quay lại vùng 1300 điểm. Thị trường đã sụt giảm thanh khoản trong 3,4 phiên gần đây và có thể tình hình còn kéo dài đến tuần sau. Thị trường có thể sẽ chưa bức phá mạnh mà còn một thời gian giao động quanh vùng hiện tại. Về tín hiệu kỹ thuật vùng hỗ trợ vẫn duy trì quanh 1280-1300 vì vậy những nhịp điều chỉnh như hôm nay vẫn là cơ hội để tích lũy cổ phiếu theo chiến lược ngắn hạn mua thấp bán cao.

Ticker	Close	% so với tuần trước	Hỗ trợ	Kháng Cự	Vùng Mua	Ngày đưa vào DM	Lãi / Lỗ
REE	62.1	2.3	50	65	Nắm giữ, có thể mua thêm quanh 54	7/12/2021	21.8%
GVR	35.5	(8.5)	28	38	Nắm giữ, lưu ý ngưỡng kháng cự 38	7/12/2021	20.7%
HCM	52.3	(7.3)	44	60	Nắm giữ, lưu ý ngưỡng kháng cự 60	7/12/2021	16.2%
VCI	58.6	(8.3)	47	60	Nắm giữ, có thể mua thêm quanh 55-57	7/12/2021	19.6%
VND	50.8	(6.1)	40	60	Nắm giữ, có thể mua thêm quanh 50	7/28/2021	18.1%
SSI	61.1	(2.6)	45	70	Nắm giữ	7/12/2021	22.2%
MBB	28.1	(9.6)	25	35	Nắm giữ, có thể mua thêm quanh 28	7/12/2021	-3.1%
OCB	22.7		20	30	Nắm giữ, Mua thêm quanh 20-22	7/12/2021	-1.3%
HPG	47.7	(6.3)	44	65	Nắm giữ, mua thêm nếu giá về 45	7/12/2021	6.0%
STB	27.1	(9.5)	27	35	Nắm giữ, mua thêm nếu giá về 27	7/12/2021	-3.2%
DGW	86.0	5.5	120	170	Nắm giữ	3/3/2021	72.0%
MWG	162.0	(6.1)	130	190	Nắm giữ	2/3/2021	27.1%

HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

Top tăng giá HOSE

PXT	4.55
DPG	5.22
HPX	5.33
STG	5.43
DPM	5.60
TGG	6.00
GMD	6.47
VOS	6.69
VNL	6.73
SFG	6.80
HAH	6.86
LSS	6.88
REE	6.88
BWE	6.91
TV2	6.92
VTO	6.95
VTO	6.95
UDC	6.96
TRA	6.99

Top tăng giá HNX

PLC	4.24
PDB	4.60
CDN	6.21
TNG	6.48
CTC	6.52
EID	6.53
HHP	6.67
BCC	6.67
LCS	7.14
DID	7.14
VNF	7.35
KSQ	7.69
VCR	7.94
MAC	8.33
PMB	9.24
BII	9.40
DXP	9.69
SMT	9.71
VE4	9.79
DAD	9.84
PHP	9.96
PQT	10.00

HSG - Tập đoàn Hoa Sen – Thông báo sản lượng tháng 7 đạt 189.474 tấn, tăng 19% so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu 4.921 tỷ đồng, tăng 97% và lợi nhuận sau thuế 302 tỷ đồng, tăng 124%. So với tháng trước, sản lượng tiêu thụ của Hoa Sen tăng 8% và doanh thu tăng 26,6% nhưng lợi nhuận giảm 46%.

ACC - CTCP Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC - Ngày 01/9 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng 06/9. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 5%, thanh toán bắt đầu từ ngày 24/9/2021.

PGD - CTCP Phân phối khí thấp áp Dầu khí Việt Nam - Ngày 01/9 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 06/9. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 20%, thanh toán bắt đầu từ ngày 04/10/2021.

CTB - CTCP Chế tạo Bơm Hải Dương - Ngày 08/9 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 09/9. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 15%, thanh toán bắt đầu từ ngày 15/10/2021.

EVS - CTCP Chứng khoán Everest – Đã thông qua phương án phát hành 40 triệu cổ phiếu chào bán riêng lẻ cho 4 cá nhân là nhà đầu tư chuyên nghiệp, với giá chào bán 16.000 đồng/cổ phiếu. Thời gian thực hiện dự kiến trong quý III-quý IV/2021.

HAP - CTCP Tập đoàn Hapaco - Ngày 25/8, HĐQT thông qua việc triển khai thực hiện trả cổ tức năm 2020 bằng tiền mặt theo tỷ lệ 6%. Ngày đăng ký cuối cùng dự kiến chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức vào 13/9/2021 và thanh toán bắt đầu từ ngày 13/10/2021.

PET - Tổng CTCP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí - Công ty đã phân phối 3,91 triệu cổ phiếu trong đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình ESOP cho người lao động trong công ty, tương ứng 97,75% tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành. Sau giao dịch, tổng khối lượng cổ phiếu của công ty là 90,51 triệu cổ phiếu, trong đó đang lưu hành 89,89 triệu cổ phiếu và 612.700 cổ phiếu quỹ.

EVS - CTCP Chứng khoán Everest - Công ty dự kiến phát hành chào bán 40 triệu cổ phiếu với giá 16.000 đồng/CP, tương ứng số tiền thu về 640 tỷ đồng. Giá phát hành cổ phiếu riêng lẻ của Chứng khoán Everest chỉ bằng 47% so với mức thị giá hiện tại của EVS. Thời gian chào bán dự kiến quý III – IV/2021.

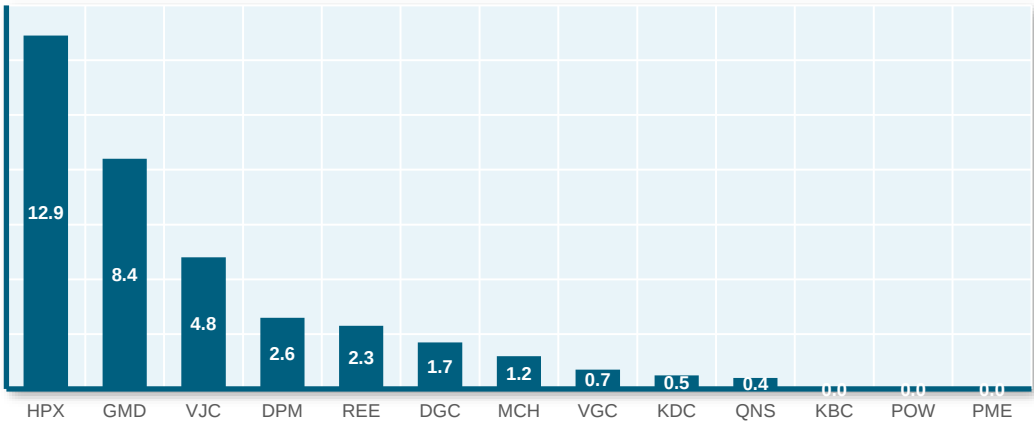


Kế hoạch tăng vốn các ngân hàng

Ngân hàng	Tỷ lệ	Hình thức	Nội dung	Vốn tăng lên
VCB	8%	Tiền mặt	Cổ tức từ nguồn lợi nhuận các năm trước	50,000
	27.60%	Cổ phiếu		
CTG	29%	Cổ phiếu	Cổ tức từ nguồn lợi nhuận 2017-2019	48,000
	12.6% - 17.7%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	
	5%	Tiền mặt	Cổ tức năm 2020	
BID	5.20%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2019	48,524
	7%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	
MBB	35%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	38,676
ACB	25%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	27,019
SHB	10%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2019	26,674
	10.50%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	
HDB	25%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	20,111
VIB	40%	Cổ phiếu	Cổ tức thương	16,000
MSB	30%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	15,275
SSB	9.12%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	14,700
OCB	25%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	14,449
BAB	6.30%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	7,530
NAB	10.20%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	4,564
KLB	13%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	3,653
SGB	5%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	3,234



Top cổ phiếu tăng mạnh 5 phiên gần nhất



Thông kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	Vốn hóa (tỷ VND)	Tỷ lệ nắm giữ	EPS	Book Value
ABB	UPCOM	20.4	981,496	7.3	1.3	-	-	11,655	30.00	2,801	16,320
ACB	HOSE	32.0	4,944,800	8.9	1.8	80,000	80,000	86,327	30.00	3,593	17,547
BAB	UPCOM	22.0	61,600	23.6	1.8	-	-	15,587	-	931	12,064
BID	HNX	38.6	2,045,600	15.4	1.9	37,500	473,200	155,250	16.69	2,512	20,453
CTG	HOSE	31.2	21,097,200	9.2	1.3	301,900	2,983,701	149,939	24.40	3,404	24,665
EIB	HOSE	24.3	215,000	27.8	1.8	400	19,800	29,814	29.74	874	13,822
HDB	HOSE	26.9	2,801,300	8.1	1.6	722,800	434,900	42,793	18.83	3,303	16,572
LPB	UPCOM	22.8	5,066,300	9.2	1.6	411,100	209,800	27,382	3.46	2,487	14,059
MBB	HOSE	28.1	12,762,500	10.2	1.5	4,406,000	1,511,781	106,171	23.17	2,762	19,196
MSB	HOSE	27.9	3,653,000	8.8	1.8	3,376,400	3,360,000	32,783	30.00	3,167	15,368
NVB	HNX	28.5	1,283,221		2.7	2,100	140,900	11,594	8.64	27	10,532
OCB	HOSE	22.7	1,099,300	7.5	1.3	-	-	31,096	15.00	3,038	16,848
SHB	HNX	28.2	28,398,581	14.0	1.9	25,125	19,700	54,301	3.94	2,013	14,631
SSB	HOSE	35.4	3,278,000	20.5	3.0	-	-	47,457	-	1,723	11,769
STB	HOSE	27.1	13,170,400	14.1	1.6	1,010,800	490,900	51,089	16.09	1,922	16,485
TCB	HOSE	48.3	10,111,900	10.5	2.1	60,000	60,000	169,287	23.00	4,611	22,566
TPB	HOSE	34.1	3,452,600	8.5	2.0	9,600	-	36,544	30.00	4,002	17,399
VCB	HOSE	96.8	1,076,900	17.5	3.6	502,400	412,000	359,019	23.54	5,532	27,234
VIB	HOSE	36.3	800,500	8.9	2.1	5,800	100	56,379	20.99	4,088	17,420
VPB	HOSE	60.8	4,178,000	12.1	2.7	-	380,000	150,161	15.00	5,038	22,811
			120,478,198	12.74	1.97	10,951,925	10,576,782	1,624,627		2,891	17,388



Thống kê nhóm cổ phiếu chứng khoán:

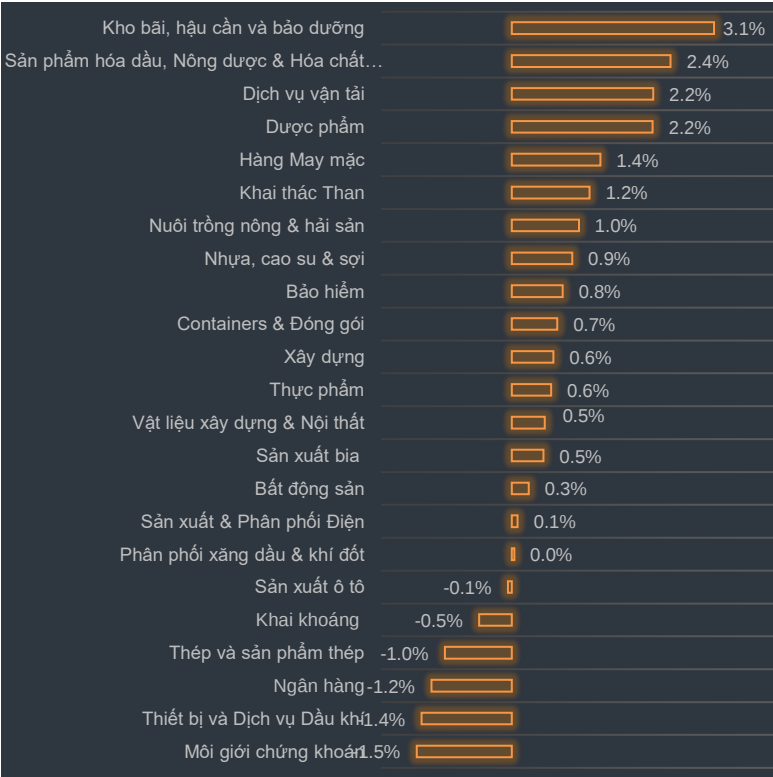
Mã CK	Sàn CK	Giá	Vol3t	Vốn Hóa	EPS	PE	P/Bv	BV
SSI	UPCOM	62,000	14,924,439	40,604,694	2,647.4	23.4	3.50	17,724
VCI	UPCOM	59,800	4,810,943	19,913,400	3,445.7	17.4	2.02	29,655
HCM	HNX	54,200	6,348,450	16,533,268	3,099.8	17.5	3.47	15,612
VND	UPCOM	51,500	9,773,341	22,094,995	6,320.1	8.1	2.46	20,939
SHS	UPCOM	40,200	7,365,103	8,332,182	5,431.3	7.4	2.24	17,951
MBS	UPCOM	34,600	3,408,174	9,259,191	1,470.3	23.5	2.63	13,147
FTS	HOSE	52,700	661,439	7,776,704	3,583.0	14.7	2.97	17,751
VIX	HNX	27,600	4,253,534	3,525,044	5,549.5	5.0	1.70	16,190
AGR	HOSE	16,500	3,625,852	3,484,799	1,000.6	16.5	1.69	9,775
BSI	UPCOM	27,900	1,823,703	3,391,822	2,231.6	12.5	2.19	12,711
ORS	HNX	26,400	1,496,496	5,280,000	1,944.6	13.6	2.50	10,574
VDS	HOSE	29,000	1,103,111	3,048,035	3,856.6	7.5	2.25	12,884
CTS	HOSE	28,900	1,943,080	3,074,949	2,676.3	10.8	2.08	13,885
TVS	HOSE	32,400	120,348	3,182,820	5,036.9	6.4	2.18	14,852
BVS	UPCOM	33,500	1,157,917	2,418,705	3,242.7	10.3	1.24	26,909
EVS	HOSE	35,300	350,812	2,223,914	3,859.6	9.1	2.49	14,167
SBS	HOSE	15,100	3,854,497	1,912,566	79.4	190.2	9.19	1,643
PHS	HOSE	17,100	1,928	1,539,000	979.4	17.5	1.51	11,291
TVB	HOSE	23,700	1,283,388	1,686,110	2,793.8	8.5	2.04	11,645
ART	HNX	9,700	4,223,971	940,148	31.6	306.8	0.85	11,459
TCI	UPCOM	19,500	296,135	965,250	2,671.6	7.3	1.59	12,235
IVS	UPCOM	11,200	116,813	776,720	411.7	27.2	1.14	9,862
BMS	UPCOM	22,800	239,947	1,299,600	4,097.6	5.6	1.76	12,977
APS	HOSE	14,600	1,955,994	569,400	2,387.2	6.1	1.31	11,126
PSI	UPCOM	11,200	284,819	670,223	300.3	37.3	1.06	10,519



Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	SZC	HOSE	17/09/2021	20/09/2021	11/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	TBC	HOSE	9/9/2021	10/9/2021	24/09/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	SSI	HOSE	8/9/2021	9/9/2021		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 6:2	Thưởng cổ phiếu
4	SSI	HOSE	8/9/2021	9/9/2021		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 6:1, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
5	TDB	UPCoM	8/9/2021	9/9/2021	30/09/2021	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	VNM	HOSE	7/9/2021	8/9/2021	30/09/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7	DNC	HNX	7/9/2021	8/9/2021	8/10/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	HPX	HOSE	6/9/2021	7/9/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:15	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
9	BDW	UPCoM	1/9/2021	6/9/2021	24/09/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	PSN	UPCoM	31/08/2021	1/9/2021	29/09/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11	GMC	HOSE	31/08/2021	1/9/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 10:1	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
12	CMV	HOSE	30/08/2021	31/08/2021	30/09/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	MWG	HOSE	30/08/2021	31/08/2021	13/09/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14	MWG	HOSE	30/08/2021	31/08/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 2:1	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
15	UPC	UPCoM	30/08/2021	31/08/2021	20/09/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16	DRL	HOSE	27/08/2021	30/08/2021	10/9/2021	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	TEG	HOSE	27/08/2021	30/08/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:5	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
18	TEG	HOSE	27/08/2021	30/08/2021		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 3:2, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
19	INC	HNX	27/08/2021	30/08/2021	15/09/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 900 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	FHS	UPCoM	27/08/2021	30/08/2021	10/9/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
21	VTB	HOSE	26/08/2021	27/08/2021	16/09/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
22	VTB	HOSE	26/08/2021	27/08/2021	16/09/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23	TPC	HOSE	26/08/2021	27/08/2021	20/09/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
24	HDB	HOSE	26/08/2021	27/08/2021		Trả cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:25	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
25	BSI	HNX	26/08/2021	27/08/2021	15/09/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 900 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
26	TMG	UPCoM	26/08/2021	27/08/2021	14/09/2021	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 2,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
27	SHE	HNX	26/08/2021	27/08/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 10:2	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
28	PHP	HNX	25/08/2021	26/08/2021	24/09/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt

Tăng giảm ngành trong ngày



Các CP tăng tốt nhất theo từng nhóm ngành:

Bất động sản:

BII, TIX, LEC

Xây dựng:

CTX, UDC, HU1

Dầu khí:

PVG, PGD, PGC

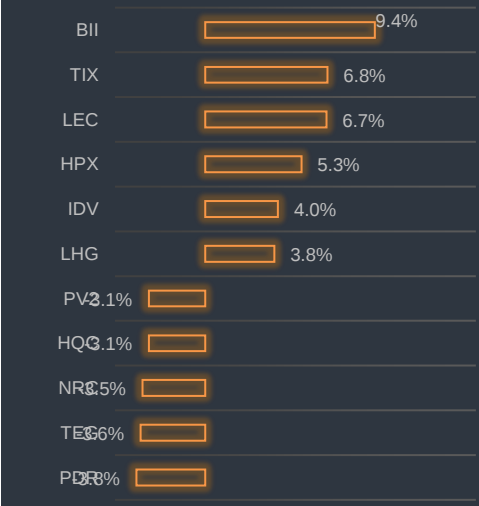
Chứng khoán:

APG, FTS, TVS

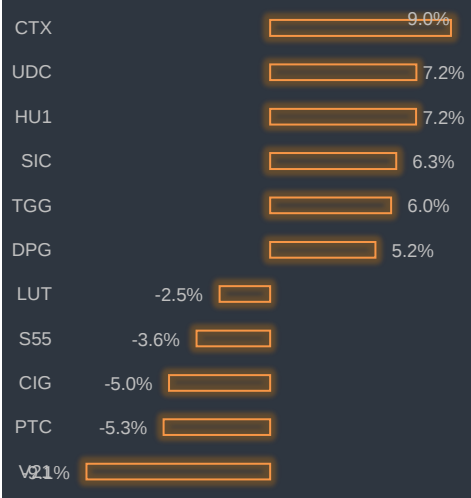
Ngân hàng:

SHB, ABB, MSB

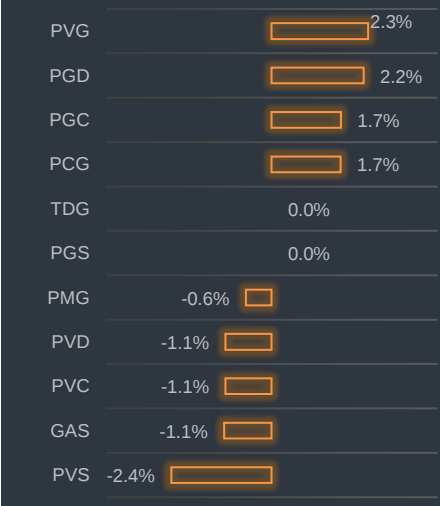
Bất động sản



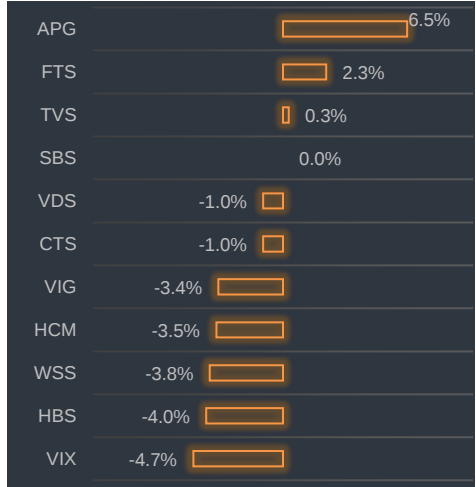
Xây dựng



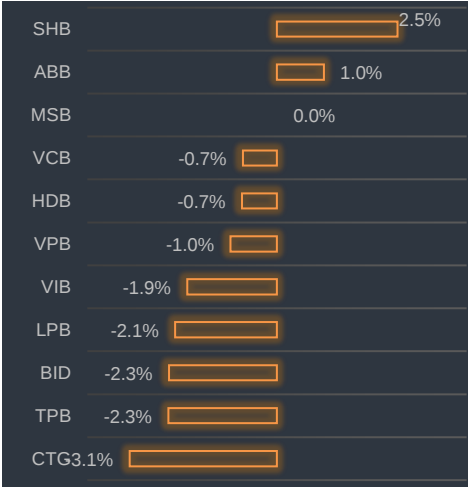
Dầu khí



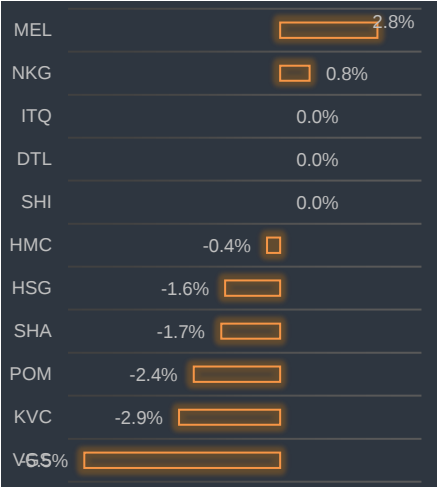
Chứng khoán



Ngân hàng



Thép





BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kỳ khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: 024 710 888 48, Fax: 024 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: 028.7108 8848

Fax: 028 3915 2931